

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2020
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Vương;

2. Ông Lê Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vương Kim T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Ngọc C, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 27/9/2019; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Vương Kim T trình bày: Bà và ông Ngô Ngọc C quen biết tìm hiểu nhau được 03 tháng và trên cơ sở tự nguyện đến năm 1998 ông bà tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau. Đến ngày 31/12/2002, ông bà mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đ, đây đều là lần hôn nhân lần đầu của bà, còn ông C là lần thứ hai, ông C đã ly hôn với người vợ trước. Ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 06 năm đầu. Đến đầu năm 2004 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên nhậu nhẹt rượu chè say xỉn, về nhà chửi bới đánh đập vợ con, không quan tâm đến gia đình, ông C trước đây cũng thường cờ bạc, do con còn nhỏ nên bà vẫn cố gắng chịu đựng, nhưng đến năm 2017 do không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên bà có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng vì ông C có hứa là sửa đổi nên bà đã rút đơn ly hôn. Nhưng sau đó về chung sống ông C vẫn không thay đổi nên vào tháng 4/2019 nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên bà đã nộp đơn ly hôn lần thứ 2 nhưng sau đó được Thẩm phán hòa giải nên bà đã rút đơn vào tháng 5/2019. Tuy nhiên, vì nhận thấy ông C không thể thay đổi và vợ chồng hiện cũng không còn tình cảm với nhau

nên bà đã nộp đơn lần này là lần thứ 3, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Ngọc C.

- Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 người con chung là cháu Ngô Ngọc Kim H, sinh ngày 28/9/1999 hiện cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, cháu Ngô Ngọc B, sinh ngày 01/01/2005 hiện cháu B đang ở với bà T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc B, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: bà T trình bày vợ chồng có 02 kiot ở chợ X, 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên đất của cha mẹ chồng ở ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ. Tuy nhiên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

- Về nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Quyết định đình chỉ vụ án HNGĐ; Bản tự khai.

* Theo bản tự khai ngày 18/10/2019 và lời khai đối chất bị đơn là ông Ngô Ngọc C trình bày: Ông thống nhất lời khai với bà T về quá trình hôn nhân và con chung. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì theo ông C vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông thừa nhận thời gian trước đây ông có rượu chè cờ bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, nhưng khoảng từ 5-6 năm trở lại đây thì vợ chồng đã hòa thuận. Tuy nhiên, vào thời điểm sau tết năm 2019 do ông có hành động nóng nảy nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bà T bỏ về nhà mẹ vợ ở cho đến nay. Do ông vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con và muốn gia đình hàn gắn đoàn tụ nên ông C không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông và bà T thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc B, sinh ngày 01/01/2005 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông thống nhất với trình bày của bà T, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: Giấy chứng minh nhân dân (photo); Bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: không.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về thu thập chứng cứ: Theo trình bày của đương sự thì ông C kết hôn với bà T là lần thứ hai, nhưng Tòa án không thu thập tài liệu chứng cứ về việc ông C đã ly hôn với người vợ trước hay chưa là còn thiếu sót.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T ly hôn ông C; về con chung: giao cháu Ngô Ngọc B, sinh ngày 01/01/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời không buộc ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; bà T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: bà Vương Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Ngô Ngọc C và yêu cầu trực tiếp nuôi con, nên đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Ngô Ngọc C có nơi cư trú tại: Ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông C. Ngày 02/01/2020, Tòa án đã đưa vụ án trên ra xét xử nhưng hoãn phiên tòa vì do ông C vắng mặt lần thứ nhất. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS, tại phiên tòa hôm nay Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Bà T và ông C kết hôn với nhau từ năm 1998; tuy nhiên đến ngày 31/12/2002, ông bà mới đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đến đầu năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà không còn chung sống với nhau nữa, dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Vì vậy áp dụng Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết tranh chấp về ly hôn cho ông bà là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vương Kim T và ông Ngô Ngọc C tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 31/12/2002 (BL 10), nên hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo trình bày của bà T thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên nhậu nhẹt rượu chè say xỉn, về nhà chửi bới đánh đập vợ con, không quan tâm đến gia đình. Ông C trước đây cũng thường cờ bạc, do con còn nhỏ nên bà vẫn cố gắng chịu đựng. Từ năm 2017 bà đã nộp đơn ly hôn lần thứ nhất, đến đầu năm 2019 bà lại đưa đơn ly hôn lần thứ 2; tuy nhiên 2 lần này vì ông C hứa sửa đổi và được hòa giải nên bà đã rút đơn. Và lần ly hôn này là lần thứ 3 bà nộp đơn. Mặc dù ông C không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng mà chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Nhưng qua 3 lần bà T nộp đơn ly hôn và hiện vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau được hơn 1 năm đã thể hiện việc mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế. Hội đồng xét xử quyết định cho bà T ly hôn ông C là phù hợp.

[4] Về yêu cầu quyền được trực tiếp nuôi con chung: bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc B, sinh ngày 01/01/2005 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; xét thấy cháu Ngô Ngọc B hiện tại đang sống cùng với bà T, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, bản thân bà T cũng có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định, do đó cần chấp nhận giao cháu Ngô Ngọc B cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu B. Đối với cháu Ngô Ngọc Kim H, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: do bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX tạm thời không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông C.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì bà T phải chịu án phí sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc thu thập tài liệu chứng cứ, do trong hồ sơ vụ án Tòa án đã thu thập được bản sao giấy chứng nhận kết hôn và cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là cả hai người tại thời điểm đăng ký kết hôn là đúng quy định pháp luật, hiện cũng không ai có yêu cầu khiếu nại hay khởi kiện về việc hủy kết hôn trái pháp luật đối với quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C. Vì vậy, theo giấy chứng nhận kết hôn giữa bà T và ông C là hợp pháp, nên việc thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện ông C đã ly hôn với người vợ đầu hay chưa là không cần thiết.

Về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của BLTTDS; BLTTDS; Điều 131 của Luật HN&GD năm 2014; các 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GD năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Vương Kim T ly hôn ông Ngô Ngọc C.
2. Về con chung: giao cháu Ngô Ngọc B, sinh ngày 01/01/2005 cho bà Vương Kim T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm thời không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông C.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

4. Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Vương Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001634 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tường Vy